TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **146**/2023/DS-ST
Ngày: 19/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Trần Minh Quyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Lộc, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Từ năm 2017, ông Nguyễn Văn L có mở Đại lý bán thức ăn nuôi tôm tại ấp Bình Chiến, thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình kinh doanh, ông Nguyễn Văn L có bán cho bà Nguyễn Thị T thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm. Hai bên thỏa thuận, bên bà T mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm sẽ

thanh toán cho ông L tất cả tiền còn nợ sau khi thu hoạch tôm xong. Tuy nhiên, sau đó bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo thỏa thuận. Hiện tại, bà Nguyễn Thị T còn nợ ông L số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm là 323.837.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Ông L nhiều lần liên hệ bà T để đòi số tiền còn nợ, tuy nhiên bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền còn nợ gốc là 323.837.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Đồng thời, ông L yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, với thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/12/2023 (35 tháng), với số tiền lãi được tính là: 94.075.000 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị T hoàn trả là 417.912.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

(Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy nợ, bút lục số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11).

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L, cụ thể: Trong năm 2017, bà T có mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm của ông L để nuôi tôm. Đến năm 2019 bà T không còn nuôi tôm và ngưng lấy thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm của ông L. Bà T còn thiếu ông Nguyễn Văn L số tiền là 323.837.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Bà T đồng ý hoàn trả cho ông L số tiền vốn mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm là 323.837.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Bà T không đồng ý trả lãi vì khi ông L bán thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm cho bà T thì đã có lời.

Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà T đang gặp khó khăn bà yêu cầu trả dần mỗi tháng, bà có bao nhiêu trả bấy nhiêu cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 280, 357, 430, 434, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm còn thiếu là 417.912.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn là 323.837.000 đồng; Tiền lãi là 94.075.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

Từ năm 2017 đến năm 2019, giữa ông Nguyễn Văn L với bà Nguyễn Thị T có quan hệ mua bán tài sản là thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm với nhau. Bà T còn thiếu ông L số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm không trả, đồng thời ông L khởi kiện. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp Bình Lộc, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Vào năm 2017 bà Nguyễn Thị T có mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm của ông L, hai bên thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm xong, bên bà T sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho bên ông L. Bên bà Nguyễn Thị T đã thực hiện xong quyền nhận tài sản là thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm. Tuy nhiên, đến khi thu hoạch tôm, bên bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị T khai có mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm của ông L và thừa nhận còn thiếu ông L số tiền 323.837.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 280, 430, 440 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bị đơn Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó bên nguyên đơn Nguyễn Văn L yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm của số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 323.837.000 đồng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/12/2023 (35 tháng), với số tiền lãi được tính là: 94.075.000 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của bị đơn.

Bà Nguyễn Thị T cho rằng hoàn cảnh kinh tế gia đình bà T đang gặp khó khăn, bà yêu cầu trả dần mỗi tháng, bà T có bao nhiêu tiền trả bấy nhiêu cho đến khi trả hết số nợ nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu trả nợ dần của bà T không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[6] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L được chấp nhận toàn bộ, do đó bị đơn Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên bà T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 430, 434, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 26, 35, 39, 92,147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm còn thiếu là 417.912.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn là 323.837.000 đồng; Tiền lãi là 94.075.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐHL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi